TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 4 – 2023

"V/v Ly hôn giữa
Chị T và anh H "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân *tham gia phiên tòa:*

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 423/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987. *(có đơn xin vắng mặt)*

Nơi thường trú: khóm P, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: ấp Đ, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1982. *(vắng mặt)*

Nơi thường trú: khóm P, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện 13-09-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị và anh Nguyễn Phước H tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện T,

tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 241, quyển số 01 ngày 26/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn, gây nhiều nợ nần bắt chị phải trả, chị và cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên can nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Vợ chồng mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng và thường xuyên cãi vã, nên chị quyết định ly thân anh H từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh H không thể hàn gắn được. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Phước H.

- Nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/01/2012, cháu N hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là anh Nguyễn Phước H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không gửi cho Tòa án bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Toà án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của anh H.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Toà án lấy lời khai của ông Nguyễn Thanh H cho biết, ông là cha ruột của chị T, là cha vợ của anh Nguyễn Phước H. Chị T và anh H tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh H sống gần gia đình bên chồng khoảng 05 năm thì vợ chồng đi tỉnh Kiên Giang làm thuê, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ăn chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên gây ra nợ nần, chị T và cha mẹ hai bên khuyên can, nhưng H vẫn không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cãi vả. Cả hai đã ly thân từ năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân gia đình hai bên cũng giúp hàn gắn nhưng T và H không hàn gắn được. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H thì ông không có ý kiến, việc hôn nhân của cả hai để cả hai tự quyết định.

Tại Biên bản xác minh ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Toà án xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Phước H, được bà Huỳnh Thị C cho biết, bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Phước H. Vợ của anh H là chị Nguyễn Thị Kim T. Sau khi cưới, vợ chồng anh H và chị T sống riêng tại khóm P, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, đây là nhà của bà cho vợ chồng ở. Thời gian đầu vợ chồng anh H có tới lui thăm bà, nhưng khoảng 02 đến 03 năm nay thì không tới lui thăm bà nữa. Anh H và chị T mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết, từ lúc giãn cách do dịch Covid-19 đến nay anh H không có đến thăm bà. Việc chị T xin ly hôn với anh H thì bà không có ý kiến, do anh chị tự quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Nguyễn Phước H theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, giao con chung Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/01/2012 cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phước H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, vợ chồng mâu thuẫn do anh H thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, không lo gia đình mà gây nợ nần, chị T đã nhiều lần tạo cơ hội cho anh H sửa đổi, nhưng anh H vẫn không thay đổi. Anh chị đã có khoảng thời gian dài ly thân từ năm 2020 đến nay, từ khi ly thân gia đình hai bên đã nhiều lần giúp anh chị hàn gắn nhưng không được, anh H cũng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị T và anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc N, chị đang nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Ngọc N có nguyện vọng được sống chung với chị T. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con", nhưng chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh H được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ

chứng minh nợ chung của chị T và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, chị T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Phước H. Giấy chứng nhận kết hôn số 241, quyển số 01 ngày 26/10/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/01/2009 cho chị T nuôi dưỡng, chị T đang nuôi. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên anh H không phải cấp dưỡng.

Anh H không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005744 ngày 11-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND TT. C, H.T, Tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thái Quân – Nguyễn Thị Mỹ Thanh Hồ Thị Kim Phương